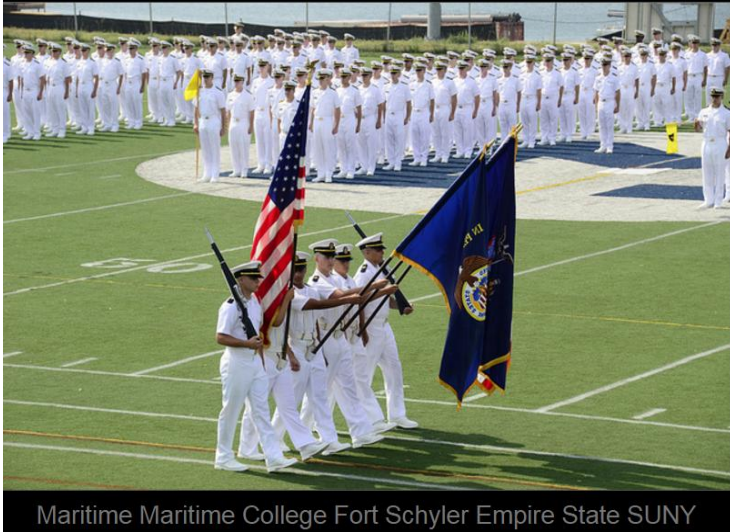


Màng Võ

Nghiệp Hải Hồ



Lễ gắn "pad đen" sau khi huấn nhục

Gần về hưu, ngắm nghĩ lại thấy mấy câu thơ cuối trong "Truyện Kiều" của Nguyễn Du, tôi giật mình; không ngờ nó lại áp dụng vào đời mình!

“Đã mang lấy nghiệp vào thân,
Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa.”

Tôi không có tài. Tiếng Anh thì bập bẹ khi còn ở trường trung học dưới quê. Khi vào Hải Quân (HQ) thì không đủ điểm đi học trường OCS (US Navy's Officer

Hành Trình SQHQ “ Lưu Đà ” • 2016

Candidate School). Ở Mỹ gần 2 năm nhưng tôi cũng không có một ngày học tiếng Anh của giới học đường mà chỉ học những từ ngữ ngoài phố (street language). Thế thì làm gì tôi có “tài” mà vào được ngưỡng cửa đại học? Nhưng... có lẽ tôi vướng phải cái "nghiệp" mà nghiệp đó đã đưa đẩy tôi vào trường Hàng Hải Thương Thuyền để theo nghề đi biển (US Merchant Marine).

Năm 1976, tôi bắt đầu tìm hiểu về “nghiệp” sông nước. Vào thời đó không có Internet, không có Google nên muốn tìm tin tức, học hỏi thêm thì phải vào thư viện. Nơi tôi ở là vùng quê - Newton, New Jersey - cách New York City (NYC) khoảng 100 cây số về hướng Tây. Vì ở xa thành phố nên nhân viên thư viện vùng này không thuộc hàng thông thái lắm. Khi vào thư viện hỏi về US Merchant Marine, họ chỉ tôi đến chỗ đăng đi US Marines (Thuỷ Quân Lục Chiến)! Tôi đâu muốn đi lính. Tôi vừa rời khỏi HQ mà! Nhưng sau đó “định mệnh đã đưa đẩy” tôi đi về nghề cũ! Định mệnh bắt đầu trên một chuyến xe bus.

Một hôm khi đang đi xe bus từ NYC về quê, tôi thấy một anh chàng người Mỹ khoảng 30 tuổi cầm trên tay quyển sách “Nautical Almanac” - sách giúp định vị trí ngoài biển. Tôi thầm nghĩ: “À, anh này thế nào cũng biết về US Merchant Marine.” Tôi làm quen, từ đó học hỏi thêm rất nhiều. Tôi được biết nước Mỹ có 7 trường Merchant Marine Academy. Ngoại trừ US Merchant Marine Academy nằm tại Kings Point NY là dành riêng cho công dân Mỹ, 6 trường kia ở nhiều tiểu bang khác nhận non-US citizen cũng dạy tương tự nhau.

Kings Point là do chánh phủ Liên Bang đài thọ (federally subsidized) tức là sinh viên sĩ quan (SVSQ - cadets) học miễn phí. Còn 6 trường kia là do Tiểu Bang quản trị. Phần lớn chi phí do sinh viên chịu trách nhiệm.

Lúc đó tôi không phải là công dân Mỹ nên chỉ xin vào State Academy mà thôi. Tuy nhiên tôi phải dự định như thế nào để khi ra trường tôi phải là US Citizen. Nếu không, US Coast Guard (USCG) sẽ không cấp bằng lái tàu. Sinh viên nam / nữ sau khi tốt nghiệp một trong những trường trên sẽ trở thành sĩ quan làm việc trên tàu dân sự, nông na là tàu buôn của Mỹ, hay là làm trên bờ. SV vào trường Maritime Academy đều phải qua 2 giai đoạn: Thứ nhất là huấn nhục, thứ hai là văn hoá.

*** Thời kỳ huấn nhục**

Khi vào các trường academy trên, cadets đều phải mặc quân phục, phải qua thời gian huấn nhục 1-2 tháng tùy theo trường. Sau đó họ sẽ bắt đầu học văn hoá như chương trình đại học dân sự - tùy theo ngành mình chọn. Loại trường này chỉ đào tạo hai ngành chính. Một là ngành chỉ huy (deck officer or Mate), hai là ngành cơ khí (Engineer). Tôi chọn ngành chỉ huy! Trong lúc học, SVSQ phải tuân theo kỷ luật của quân đội như tôn trọng đàn anh “quay” đàn em, bị thanh tra quân phục, tóc tai, điểm danh, sắp hàng chào cờ...v.v. Chương trình học là 4 năm cộng thêm 3 mùa hè đi tàu huấn luyện thực tập: “gỗ sét, chằm dầu nhớt,

học đi ca, định vị trí...v.v.” Tổng số tín chỉ (credits) mà cadets cần đạt được khoảng 155-160 trước khi ra trường.

Trước khi tốt nghiệp SVSQ sẽ tham dự một kỳ thi toàn khoa để lấy bằng làm việc gọi là “mates or engineer’s license” do USCG tổ chức tại khuôn viên của trường vào năm cuối. Cuộc thi kéo dài khoảng 3-4 ngày. Nếu đậu tất cả các môn thì sau khi ra trường cadets sẽ có hai mảnh bằng. Một là degree chứng minh họ tốt nghiệp đại học. Hai là license chứng nhận là họ đã được chính phủ Liên Bang chứng nhận (Federal government certified) để lên tàu Mỹ làm việc. Nếu không đậu license mà chỉ có degree thì chỉ được làm việc trên bờ. Còn xuống tàu thì chỉ làm “lính” vài tháng sau về thi tiếp. Còn nếu “bựa” chỉ lo lấy license, mà không có đủ credits để lấy degree thì trường sẽ giữ (hold) license lại cho dù đã đậu license.

Sau khi thông hiểu chương trình, tôi bắt đầu xin (apply) vào 2 trường thuộc state academy. Một là trường NY Maritime Academy ở NYC còn trường kia là Massachusetts Maritime Academy ở Cape Cod (Boston). Tôi cũng phải “trầy da tróc vẩy” thi toán, thi Anh Văn, liên lạc Thượng Nghị Sĩ lấy giấy giới thiệu mới có đủ giấy tờ cần thiết khi nộp đơn. Đã vậy tôi còn mang “bệnh” nghèo và sợ mất tiền “non-refundable application fee” khi nộp đơn nên tôi chần chờ. Một hôm bạn Phan H. Hải (K.19) đến chơi, nói: “*Tao sẽ ký tặng mày cái check \$50 kèm theo application của mày. Vào phòng đem giấy tờ ra đây tao phụ đọc cho.*” 3 tháng sau tôi nhận được giấy mời lên trường NY State Maritime Academy gọi lên interview. Như trong thơ

dặn, khi đến nơi tôi tìm gặp Commander (HQ Tr. Tá) Cerny, đương kim là director của Admission Office. Cũng hên, ông này có tham dự chiến tranh VN, cũng là HQ nên dễ thân mật hơn. Tôi bảo tôi là cựu SQHQ từng phục vụ HQ 3 (ex WHEC 380 - Yakutat của USCG) ông ta có cảm tình ngay. Sau khi kiểm soát giấy tờ, nói chuyện băng quơ về HQ, ông bảo tôi về đi, chờ thư của trường.



TDH Trần Nhật Duật (HQ3). Displacement (trọng tấn - full) 2,750 Tons, LOA (dài): 311 ft, Beam (ngang) 41 ft, Draft (sâu) 13.5 ft. Speed (vận tốc) 18.2 Knots (gút)

Hai tháng sau, tức là khoảng tháng 3 năm 1977, tôi nhận được thư của trường thông báo: “*Welcome you to the Regiment of Cadets...*” và đồng thời cho biết ngày “trình diện”. Tôi vào hăng báo cho xếp biết là sẽ nghỉ việc vào mùa hè. Đến giữa tháng 7 tôi trả căn nhà trọ, bán chiếc xe Mustang cũ - mua hùn với người bạn - gọi bạn bè đến apartment cho hết đồ đạc trong nhà rồi cuốn gói lên đường “nhập ngũ”. Hành trang của tôi chỉ là một cái valise nhỏ chứa đựng vật dụng cá nhân và đồ lót. Còn tất cả quần áo, giày vớ

thì khỏi lo. Trường sẽ cung cấp quân phục theo tiêu chuẩn “nhà binh”.

Sáng sớm ngày Chủ Nhật 24 tháng 7, năm 1977, bạn tôi, ông Đỗ K. Tiếng (K18), tình nguyện chở tôi “nhập trại”. Tôi đang suy nghĩ không biết đàn anh của Mỹ huấn nhục mình như thế nào. Tôi vừa lo, vừa run. Lo vì không hiểu tiếng Anh như Mỹ, run vì sợ mình học không qua khỏi một mùa học mà bị đuổi nửa chừng lại vác gói về hãng cũ làm “cu li” tiếp thì “mấy em cười thúi đầu.” Còn chuyện huấn nhục thì tôi không ón. Cùng lắm là giống như VN thôi. Tôi nghĩ mình cứ làm theo đám đông là OK.



Location of NY Maritime In NYC, Bronx, Long Island Sound

“Tôi cổng trường rồi. Tụi đàn anh đang chờ mày kìa. Ráng lên nha. Một tháng nữa Minh, Vạn, và tao vào thăm nuôi mày. Good luck, nha mày”. Ông Tiếng nói xong, quay đầu xe Capri, trở về trường New Jersey Institute of Technology nơi mà ông ta đang học.

Vừa xuống xe, một sinh viên (SV) khóa đàn anh chỉ vào mặt tôi: “*You! You follow me to pickup uniforms and then get a nice and GOOD haircut. You sloppy punk!*” Tôi trả lời: “*Yes, Sir*” rồi ngoan ngoãn đi theo một SVSQ đàn anh trước tôi hai năm. Chức vụ của anh ta là IDO (indoctrination officer). Cũng cần nói thêm là khoá tôi có khoảng 200 cadets một nửa là cơ khí (Engineer), còn nửa kia là chỉ huy (Mate). Trong số 200 người, chúng tôi được chia ra làm 10 trung đội, mỗi trung đội khoảng 20 cadets do 2 IDO quản trị. Trung đội chia theo vần ABC. Nếu last name bắt đầu bằng chữ A thì chắc chắn sẽ vào trung đội 1. Tôi họ Võ nên vào trung đội 10.

Sau khi lãnh quân phục, hớt tóc xong, chúng tôi sắp hàng vào trung đội của mình, chờ lệnh. Một anh IDO thấy tôi “không giống ai - người VN đầu tiên lúc đó”, anh ta tiến đến gần, đứng trước mặt tôi cách không đầy 3 inches, mũi anh gần đụng mũi tôi, nhìn tôi sừng sộ. Tôi đứng thể nghiêm nhìn vào mắt của anh. Anh ta bảo tôi: “*Don't stare at me, boy!*” Tôi hãi quá nhìn thẳng, anh ta tiếp: “*Go to your room on the double, throw your hippy pants (quần ống loa), and your disco shoes (giày cao gót) to a dumpster. We only wear uniforms here. UNDERSTAND?*” “*Sir, Yes sir.*”

Sau chỉ thị “*Fall out - tan hàng*”. IDO cho chúng tôi 10 phút chạy về phòng thay quân phục “áo thun, quần shorts, vớ trắng, giày bata xuống sân trường trình diện, ngay”. Hôm đó, chúng tôi bị quay từ 8 giờ sáng cho đến lúc ăn trưa. Sau đó, chúng tôi có 30 phút để về phòng làm giường chuẩn bị phòng, chờ IDO thanh

tra. Cả bọn bị “quần” cho đến 2300 giờ thì có lệnh tắt đèn đi ngủ.

Mỗi ngày chúng tôi thức dậy lúc 0500 giờ, tập hợp điểm danh, chạy tập thể dục chung quanh trường, ca hát vang trời. Ngày thì mang súng đi diễn hành (không có đạn); ngày khác thì học chèo xuồng (monomoy rowing); ngày thì xuống tàu huấn luyện - tại cầu tàu của trường - học cách kéo dây, chèo dây; ngày thì lên đài chỉ huy vẽ lại họa đồ của đài chỉ huy kê khai dụng cụ trang bị trên tàu...v.v. Ngoài ra chúng tôi phải học thuộc lòng nhiều bài hát như: “The Bells of St. Mary’s” (Alma Mater of the Maritime College); “Anchors Aweigh”...v.v.



NY Maritime College – Monomoy Rowing

Điều mà tôi nhớ nhất là chuyện học thuộc lòng bài Sallyport Saying: *“Sir, but men and officers must obey, no matter at what cost to their feelings. For obedience to orders, instant and unhesitating, is not only the*

lifeblood of armies, but the security of states, and the doctrine that under any conditions whatever, deliberate disobedience can be justified, is treason to the Commonwealth, Sir. Đoạn văn này là của Col. G. Henderson - a British Soldier - viết during American Civil War. Ông rất ưng ý, nên ra lệnh nhân viên khắc những chữ đó, mạ vàng, trên cổng đá của cố thành tên Ft. Schuyler nằm trong trường này. Tôi phải thuộc lòng đoạn văn trên mà lúc đó tôi cũng không hiểu 100%! Xin nói thêm Ft. Schuyler cũng là nickname ám chỉ SVSQ tốt nghiệp trường này.

Còn vài chuyện quan trọng nữa mà cadets phải có đó là trong túi lúc nào cũng phải có “change for a dollar, và một con dao - knife”. Tiền lẻ để giúp đàn anh đổi tiền. Dao thì dùng để cắt dây khi cần - nhất là làm việc trên tàu. Miệng thì sẵn sàng trình diện theo nguyên tắc “nhà binh”. Tức là khi ai gọi trình diện như: “You. Sound off” thì cứ “sủa” thuộc lòng: “Sir / Ma’am: Cadet Vo, fourth-class, Sir / Ma’am”.

Tiếng Anh không cần giỏi trong lúc huấn luyện. Khi IDO hay SQ cán bộ hỏi gì thì mình chỉ “sủa” những câu nằm lòng căn bản như sau:

"Sir, yes, Sir" or "Ma'am, yes, Ma'am", or "Sir, no, Sir" or "Ma'am, no, Ma'am".

"Sir, no excuse, Sir" or "Ma'am, no excuse, Ma'am".

"Sir, I will find out, Sir" or "Ma'am, I will find out, Ma'am"

"Sir, I do not understand, Sir" or "Ma'am, I do not understand, Ma'am" or "Request permission to ..."

Mỗi ngày chúng tôi bị “quay” từ cách ăn, cách nói, cách đội nón, xếp quần áo, mang giầy giày, thắt cà vạt, cách làm giường, cách chào... nói chung là học theo etiquette copied từ US Navy. Khoảng 1 tháng sau - ngày làm lễ mãn khoá huấn nhục - chúng tôi sắp hàng, đi diễn hành ra sân vận động để làm lễ “mang pad màu đen, không có gạch vàng nào cả, đội nón có dây vàng, mang súng, mang cò, chào kiếm...”.

Sau lễ xong, tôi đi tìm thân nhân xem có ai đến không? À có mấy người bạn HQ đây! Tôi mừng rỡ khi gặp ông Đỗ K. Tiếng (K.18), Trần P. Vạn (K19), Lợi C. Minh (K.19). Tôi và bạn “đồng đội” được 3 ngày nghỉ phép để sau đó trở vào trường học văn hoá. Tôi theo bạn tôi về nhà Minh ở Queens, NYC.

*** Thời kỳ học tập văn hoá**

Tuy đã qua thời gian huấn nhục, nhưng vì chúng tôi là lớp thấp nhất - gọi là Mug (fourth class, nicknamed Mug - Freshman) - nên khi ra khỏi building là phải chạy lúp xúp. Không được đi xéo mà phải đi thẳng 90 độ. Không được đi tắt ngang mà phải đi vòng. Khi đến góc đường là phải bẻ góc (square that corner). Khi gặp đàn anh, hay SQ cán bộ là phải đứng lại chào, sau đó chạy tiếp. Mugs chỉ đi hàng dọc không được cặp kè hàng ngang... Những luật lệ này chúng tôi phải tuân theo cho đến hết năm đầu. Chuyện này coi như không khó đối với tôi. Bây giờ đến lúc khó hơn - học văn hoá.

Đến thời kỳ này thì trung đội của tôi phân tán ra. Chúng tôi phải đi học riêng theo ngành mình chọn như

ngành cơ khí hay chỉ huy. Ngành chỉ huy có nhiều phân khoa khác nhau nhưng khi ra trường thì ai cũng có Bachelor of Science degree. Phân khoa chuyên về đi tàu gọi là Marine Transportation, còn những phân khoa khác thì có nhiều “đường bình” hơn - tức là họ có thể đi tàu, có thể làm trên bờ trong ngành Metrology and Oceanography, Computer Science Mathematics.

Còn ngành cơ khí thì nếu đi tàu sẽ làm SQ cơ khí, còn khi về bờ thì xin làm Engineer của nhiều corporations khác nhau. Ra trường họ đều có Bachelor of Engineering degree.



NY Maritime Academy Logo

Ngành Marine Transportation học chữ thì nhiều nhưng học số như toán, vật lý, hoá học, ...v.v. thì lại ít. Sinh viên với sức học trung bình theo học đông. Tôi thì vì cái “nghiệp” sông, biển nên cũng gia nhập nhóm này. Semester đầu của chương trình này chúng tôi phải ghi danh 5 lớp. Lớp mà tôi thích là Calculus I (toán), và Nautical Science 101 - Operations. Còn 3 lớp kia (Principle of Economics I, English Composition I, History 101 - American History I) thì ... nếu nói là không thích thì tôi xạo. Tôi sợ rớt “điên người” luôn. Sau hơn 1 tháng học, tôi cảm thấy mình chọn làm phân khoa!

Tôi phải làm sao? Bỏ học, đáo về quê cũ, xin trở lại hãng Mack Wayne Plastic Company làm thợ đúc (molder), hay là xin “Drop American History class”, đến mùa hè xin vào Community College học dễ hơn. Nhưng không được vì mùa hè tôi còn phải đi theo tàu thực tập 2 tháng. Tính tới, tính lui, sau cùng tôi quyết định ở lại trường tiếp tục học.

Hàng ngày, sau khi cơm chiều xong, tôi khệ nệ mang quyển tự điển Anh Việt dày 5 inches của Nguyễn V. Khôn do nhà sách Khai Trí xuất bản, cộng thêm hai quyển “Macro Economics” và “American History I”, chạy lúp xúp đến thư viện. Đọc hơn 1 trang American History, tra tự điển nhiều chữ khó, mất cả tiếng đồng hồ, vậy mà tôi vẫn chưa hiểu rõ. Tôi ráng đọc tiếp, cố gắng tra khảo nhưng vẫn mù mờ. Tôi bèn đổi qua sách Macro Economics. Ở đó cho đến 2200 giờ thì thư viện đóng cửa. Nếu về phòng thì 2300 giờ là phải tắt đèn, tôi quyết định chạy qua lớp học (classroom) mở đèn lên, học tiếp cho đến gần nửa đêm. Về phòng, tôi lên vào phòng dùng đèn pin mò mẫm đi ngủ. Gần đến ngày thi midterm tôi nhờ một người bạn Mỹ (Mark Wollman) đến classroom giải thích những gì tôi đọc mà không hiểu. Nhờ tính kiên trì, rồi tôi cũng qua được semester đầu. Như vậy là tôi đã hoàn thành được 17 tín chỉ.

Đến semester thứ hai thì tiếng Anh tôi đã khá hơn nhưng chương trình học cũng khó dần. Lần này tôi phải lấy 18 tín chỉ, đó là:
Eco. 102, Principle of Eco. II.
English 102, English Composition II.

American Hist 102, Amer. Civil. II
Calculus II
Comp. Sci. 122, Computer Sci. I
Nav. 205, Terrest. Nav

Thấy English 102, và American Hist tôi mừng. Tôi nghĩ các lớp này là chỉ dạy tiếp lần trước nên tôi bắt đầu “chĩa mũi dùi” vào lớp mới lạ - computer. Mãi đến lần thi “hỏa tốc - 15 minute-quiz” tôi mới “tá hỏa”. Bà thầy dạy English phát bài thi bắt đầu từ chỗ tôi ngồi - bàn đầu, cho đến bàn cuối. Khi trở lên, khoảng 10 phút sau bà thân bài bắt đầu từ chỗ tôi ngồi đi xuống dưới. Tôi ngớ người vì viết chưa đầy 1/4 trang trong khi đó bà “required 250 words” - khoảng nửa trang giấy. Còn lớp computer thì lại “thần sầu quỷ khóc” hơn. Quá trừu tượng mà lại mất rất nhiều thì giờ trong phòng lab. Tôi cố gắng vượt bực nên đã qua được 2 semesters đầu.



NY Maritime Training Ship Empire State VI.
Displacement 17,000 tons. LOA 565 ft, Beam 76ft, Draft 25 ft., Speed 22 Kts

Tính tổng cộng tôi có được 35 tín chỉ. Sau đó tôi chuẩn bị đi theo tàu school training ship đi biển thực tập 2 tháng để lấy thêm 3 tín chỉ nữa. Như vậy tổng cộng là 38 tín chỉ.

Hành Trình SQHQ “ Lưu Đày ” • 2016

Đến tuần lễ đầu tháng 5 năm 78, hè đến, cả 3 khoá của trường khoảng 500 Cadets, cùng SQ huấn luyện lên tàu training ship của trường, ra khơi đi thực tập. Chương trình năm đó đi Italy, Portugal, và Spain nên ai cũng hớn hở. Lúc này tôi như “cá về với nước.” Tôi đã từng làm SQ trưởng phiên trên chiến hạm HQ 3 thì chuyện đi ca không có gì xa lạ. Tuy nhiên “tôi không ra mặt” mà chỉ làm những gì trong phạm vi và trách nhiệm của mình. Trong 4 giờ đi ca, chúng tôi thay phiên nhau làm quan sát viên, tập làm thủy thủ vận chuyển lái tàu, tập làm points cận duyên (định vị trí của tàu khi thấy hải đăng, núi...), tập xài hai thước tam giác (triangles), quan sát radar. Có một lần, tôi nhìn radar muốn học hỏi thêm, thì 1 đàn anh bảo tôi: “*You don't know radar, so don't touch it. Wanted to try it, let me know*”. Tôi bảo “*Sir, yes Sir*”. Đàn anh không ai biết tôi đã đi tàu cho đến một hôm tàu chúng tôi gặp tàu HQ Mỹ!

Trong lúc khoá đàn anh - First Class cadets (seniors) - thực tập “đánh đèn”, thì “xui thay” có một tàu HQ của Mỹ muốn liên lạc với tàu chúng tôi. Lúc đó khoảng 2000 giờ, trời vừa chập tối. Tàu chúng tôi đang chạy chung quanh đảo Mallorca (Đảo của Spain in Mediterranean) cho cadets thực tập làm points thì chiến hạm của HQ Mỹ đánh đèn cho tàu của tôi. Thấy ai cũng “quíu” hết, tàu không có nhân viên giám lộ, tôi ra tay nghĩa hiệp: “*Sir, if you don't mind, I will take it over*”. Chỉ làm 1 chuyện nhỏ thôi, tiếng đồn vang cả trường!

Đèn cờ thì tôi có khiếu. Tôi nhớ lại đêm 30 tháng 4 năm 75, tôi đã đánh đèn trả lời 1 chiến hạm HQ Mỹ khi

họ muốn HQ3 “put out ladders” cho Đ/Úy Phú lên tàu! Sau này tôi mới biết được Đ/Úy Phú chính là Richard Armitage - người đã phụ trách dẫn đoàn tàu HQVNCH qua Phi Luật Tân. Chuyến đi nhớ đời đó có Tr/Tá Nguyễn K. Triệu (K7) làm Hạm Trưởng cùng đi với Th/Tá Quyền và những bạn đi cùng tàu Đ/Úy Võ H. Thông (K19), Tr/Úy Phan H. Hải (K19), Thiếu Úy Hoàng (Đà Lạt), ...v.v.

Đến năm thứ hai thì chúng tôi có đàn em (Next class arrived) chúng tôi không còn chạy lúp xúp nữa. Tuy nhiên năm nay tôi phải lấy nhiều tín chỉ hơn. Vì không muốn bạn đọc chán với những chi tiết về các lớp học, tôi chỉ kể vắn tắt các lớp học cho 3 năm còn lại mà thôi.

Năm thứ nhì (Total 41 credits):

Fall semester: 19 credits.

English 201, Hum. I

Language, Spanish

Math 215, Statistics

Nautical Sci 206, Ops II

Phys 209, College Phys I

Spring semester: 19 credits.

Engr 301, Ship Construction & Stability

Language, French

Meteorology 311 and Lab; Meteo for mariners

Nav301, Nauti. Astro, Celes. Nav.

Phys 210, College Phys.

Summer sea term: 3 credits.

Training ship ports: Montreal, Quebec, Charleston, Ft. Lauderdale, Bahamas...

Năm thứ ba: (Total 44 credits)

Fall semester: 20 credits

Acct 301, Accounting I

Eco 301, Theo Inter.

English 202, Human II

Mar. Trans 201, Mar. Cargo Oper

Engr 321, Basic Marine Engineering

Naut 304, Rules of the road

Nav 311 Princ. Mar. Elec.

Spring semester: 18 credits

Eco 303, Money and Banking

Eco 401, International Eco.

Eco 409 Financ. Anal

Mar. Trans 202, Ocean Trans;

Naut 306, Oper III

Nav 312, Elec. Nav. Sys.

Summer sea term (last summer sea term): 6 credits.

Training ship ports: Naples, Italy; Lisbon, Portugal,
Copenhangan, Denmark.

Năm thứ Tư - last year. Total 33 credits

Fall semester: 17 credits

Computer Science 437, Linear prog & Games Theory

Eco 402, Labor Eco

Eco 404, Ship management

Law 403, Maritime Law

Naut Sci 408, Lic Seminar

Nav 402, Advanced Nav

Naut Sci 405, MMO II.

Spring semester: 16 credits

Oceanography 411E, Oceanography For Mariners

Seminar in Eco., Mar. Trans
Law 404, Maritime Law
Mar Trans. 402, Mar. Trans. Ins.

Như vậy là tôi phải lấy 156 credits. Thời gian là 4 năm và 3 mùa hè - Summer Sea Term, mà mỗi mùa hè đi thực tập khoảng 2 tháng. Ngoài mùa hè đi thực tập, chúng tôi còn phải đi gác đêm (Night Watch). Tùy theo sự chia cắt của “Xử Lý Thường Vụ” đại đội, chúng tôi thay phiên nhau trực hàng đêm từ 1800 giờ cho đến sáu 6 giờ sáng hôm sau cho nhiều vị trí khác nhau. Trung bình khoảng 2 lần mỗi tháng, mỗi lần 4 tiếng. Khi nào trúng ca “graveyard” - từ 0200-0600 - thì sáng hôm sau đi học “ngáp dài”.

* Buồn Vui “Đời Thủy Thủ



NY Maritime Academy Yearbook Picture - Taken 1980

Những kỷ niệm buồn vui của thời SVSQ ở trường NY Maritime Academy rồi cũng đến ngày cuối. Kỷ niệm

Hành Trình SQHQ “ Lưu Đà ” • 2016

mà tôi không quên lúc ở quân trường là thời gian nghỉ hè sau khi đi tàu thực tập về. Lúc đó trường đóng cửa 1 tháng cho sinh viên “nghỉ xả hơi” cho đến mùa học tới nên ký túc xá (dorms), nhà bàn (food services), đóng cửa. Gần như hầu hết sinh viên trở về đoàn tụ với gia đình. Còn tôi vì “con bà phước” nên tôi xin trường cho tôi ngủ trên tàu, còn chuyện ăn uống thì tự túc. Có một lần tôi lười biếng đi chợ (đi bộ cách tàu khoảng 3 miles one way), tôi “tử thủ” trên tàu, ăn mì gói “Kung Fu” 1 tuần lễ. Đến ngày thứ 8 tay tôi run lập cập khi cầm muỗng. Tôi “teo” quá lợi bộ ra đường chính, mua 2 cái “big mac”, tôi “Dzút hết luôn”! Hôm sau là lại sức ngay.



Kodiak (Exxon Ship). LOA 870 ft, beam 138 ft, draft: 45 ft. Displacement 150,000 tons in Puget Sound (Seattle, WA) April, 2010. New owner 2014.

Cuối cùng ngày vui đã đến. Tôi may mắn vượt qua tất cả các kỳ thi của trường cùng cuộc thi của USCG nên ngày lễ ra trường, tôi nhận được hai mảnh bằng chính trong tay. Một là USCG license chứng nhận tôi

“Licensed to serve as Third Mate of United States Steam or Motor Vessels of Any Gross Tons upon Oceans.” Mạnh bằng thứ hai là degree của trường và nhiều certificates khác.



In HQ 3 Officer's Mess: L to R: Tr/úy Đức k1/70 (K. 1 ĐB), Th/Úy Hoàng (Đà Lạt), Tr/Úy Xuyên (Đà Lạt), Tr/Úy Màng K6/69, K. 2ĐB...etc... Tàu HQ 3 neo ở Namyit (Một đảo của quần đảo Trường Sa – August 74)

Nhận license làm SQ tàu biển đã nhắc tôi một kỷ niệm lúc tôi còn trong HQ. Tháng 5, năm 73 sau khi tốt nghiệp “Khoá 2 Đặc Biệt Nha Trang” tôi đã cởi chiếc áo HQ Tr/ úy CB, mà bọn tôi dí dỏm tự đặt mình là “đám SQ Lưu Đày” sống ngang tàng nơi sông rạch hay trong đám Hải thuyền, v.v. để trở thành HQ Tr/úy của Tuần Dương Hạm Trần Nhật Duật (HQ 3).

Vì mang “nghịệp” sông biển “di truyền” của cha ông, nên chuyên làm việc trên tàu - sông, biển, dây cột...-

không lạ gì với tôi. Sau gần 2 tháng đi biển - được ông bạn Đoàn X. Sơn (K.18) huấn luyện - tôi được lên làm SQ Trưởng Phiên và giữ chức vụ Trưởng Ban Vận Chuyển. Ban này cũng quá dễ đối với tôi vì ba tôi làm nghề “đi ghe chài” - loại ghe lớn chở hàng trong sông rạch miền Nam mà tôi đã theo phụ cha trong lúc nghỉ hè ở trung học. Sau khoảng 1 năm trên HQ 3 tôi được giao phó nhiệm vụ Trưởng Khối Trọng Pháo / Vận Chuyển cho đến tháng 5 năm 1975! Ngày mà tôi nghiêm chỉnh chào quốc kỳ VNCH lần cuối, trong buổi lễ bàn giao HQ 3 cho US Navy, lúc tàu chúng tôi cách Manila không đầy 10 hải lý. Đó là ca gác sau cùng (last watch) mà tôi “cần” trên chiến hạm.

Sau khi lá cờ Mỹ tung bay trên cột cờ chính (forward mast), tôi quay sang vị SQHQ Hoa Kỳ nghiêm chỉnh chào anh ta và nói: “She’s all yours!” Sau đó, tôi lê bước, ngậm ngùi rời khỏi “đài chỉ huy”.



Exxon Charleston. LOA: 636 ft, Beam 106 ft, Draft 42 ft. Speed: 16.8 kts. Displacement: 62,500 tons. New owner 2004

Hành Trình SQHQ “ Lưu Đày ” • 2016

Tưởng rằng đời Thủy thủ đã chấm dứt từ đó, nào ngờ 6 năm sau, cũng vào tháng 5, của năm 1981 tôi chính thức trở lại nghiệp sông biển! Tôi rất vui mừng khi nhận được tin Exxon đồng ý mượn tôi với chức vụ Sĩ Quan Đệ Tam - 3rd mate (SQ chỉ huy cấp nhỏ nhất). Tôi vác sac marin (sea bag) đi lên ghê dưới cầu tàu, nhưng khi bước lên hạm kiều (gangway), tôi không sao quên được hình ảnh ngày tôi cũng vác sac marin bước lên hạm kiều của HQ 3, cũng vào tháng 5, năm 1973 - đúng 8 năm về trước.



Exxon Long Beach. LOA: 987 ft, Beam 166 ft, Draft 64 ft. Speed: 16.0 kts. Displacement: 240,000 tons. New owner 2010

Sau 18 năm làm việc (6 năm ở bộ tư lệnh), và sau nhiều cuộc thi lên cấp của USCG, cuối cùng năm 1999 tôi đạt được nguyện vọng cao nhất trong cuộc đời thủy thủ. Năm đó, tôi đậu bằng Thuyền Trưởng - với “Licensed to serve as Master of United States Steam or Motor Vessels of Any Gross Tons upon Oceans”. Khoảng 6 tháng sau Exxon cử tôi làm Thuyền Trưởng lần đầu tiên trên chiếc tàu tên Exxon Charleston mà tôi đã làm thuyền phó (chief mate) gần 10 năm. Đây là cỡ tàu mà dân Merchant Marine của chúng tôi gọi là

Panama class. Lý do là chiều ngang của tàu là 106 ft đủ để đi qua locks của kinh đào Panama rộng 110 ft.

Exxon Charleston trọng tấn 65,000 tons, dài (LOA) 635 ft, ngang (Beam) 106 ft, sâu (Draft) 42 ft, vận tốc tối đa: 16.8 gut). Tính ra, trong suốt thời gian làm việc cho Exxon, chiếc tàu lớn nhất mà tôi được vinh hạnh đảm nhận chức vụ Thuyền Trưởng là chiếc VLCC (Very Large Crude Oil Carrier) Exxon Long Beach trọng tấn 240,000 tons, dài 987 ft, ngang 166 ft, sâu 64 ft. Vì tàu này chỉ có 1 lớp vỏ (single-hull tanker) nên năm 2010 đã ngưng chở dầu và Exxon đã bán lại cho một chủ nhân khác. Đây cũng là năm tôi được đổi về hậu cứ để giữ chức vụ Senior Marine Advisor cho Tư Lệnh Hạm Đội. Nói là Tư Lệnh cho oai thôi, lúc này Exxon chỉ còn lại 4 chiếc tàu để chở dầu mà thôi.



SR Puget Sound (Exxon Ship). LOA 650 ft, beam 106 ft, draft: 40 ft. Displacement 60,000 tons encountered stormy weather while going from Alaska to San Francisco in December 2005. New owner 2006

Cuộc đời ngang dọc rồi thì cũng có một ngày “gác mái chèo”. Hiện tại tôi cố gắng duy trì bằng Master license mà USCG đã cấp cho tôi. Mặc dù không còn làm Thuyền Trưởng nữa nhưng Exxon vẫn muốn tôi đảm nhận những công tác đặc biệt như những lúc tàu, mà Exxon mượn chở dầu, bị tai nạn.

Tôi mang ơn Exxon đã giúp tôi đạt được ước nguyện sau cùng của đời thủy thủ, nên nếu hãng cần “help during an emergency event” là tôi lên đường ngay. Tôi cảm ơn NY Maritime Academy đã cho tôi cơ hội thực hiện “nghiep” sông biển của mình. Và cũng vì muốn “pay back to school” tôi đã trở về School Training Ship làm việc - coi như là volunteer - để dạy lớp “Advanced Navigation” vào 2 mùa hè liên tiếp. Mỗi lần đi thì 2 tháng mới về nhà.

Tôi xin cảm ơn tất cả người thân và bạn bè đã khuyến khích tôi trong lúc “bơ vơ” nơi cổng trường xa lạ. Cảm ơn anh Lương Q. Bình (TN SVSQ K21 NT, K.1/70 TĐ, K. 1 ĐB NT), và nhiều bạn khác, đã khuyến khích tôi viết bài này cho thế hệ sau. Nếu con cháu bạn cần biết thêm, muốn theo nghề này, cứ tự nhiên liên lạc với tôi qua chủ nhiệm quyền HTLĐ.

Mang Vo, 81's Ft. Schuyler (NY Maritime College)
30 tháng 4, 2016